

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế và bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 427/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm 3, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 3, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Liên Thành, huyện Yên Thành.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Nguyên nhân: Vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xúc phạm danh dự nhân phẩm của

nhau. Nên Chị bỏ về bên ngoại sống ly thân cắt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022.

Sự việc xảy ra đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con là Trần Quốc Bảo, sinh ngày 12/01/2012.

Hiện nay Chị đang nuôi con. Con khỏe mạnh.

Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Liên Thành, huyện Yên Thành.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Nguyên nhân: Vợ chồng tính tình không hợp nhau, Anh làm ăn thua lỗ không có tiền gửi về cho vợ con chi tiêu dẫn đến vợ chồng xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Nên chị S bỏ về bên ngoại sống ly thân cắt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022.

Sự việc xảy ra đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành.

Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nhưng Anh muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi con. Nhưng tại phiên tòa chị S cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Quốc Bảo, sinh ngày 12/01/2012.

Hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Con khỏe mạnh.

Nếu ly hôn Anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Nếu chị S nuôi con thì Anh không cấp dưỡng nuôi con vì Anh đầu xây dựng, thu nhập không ổn định (thu nhập khi nhiều là 20.000.000 đồng) nên Anh không nhất trí cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị S, sau này có bao nhiêu thì Anh tự gửi cho con.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn N được Ủy ban nhân dân xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63/2010 ngày 21 tháng 10 năm 2010, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân: Tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Nên chị S đã bỏ về bên ngoại sống ly thân cắt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ủy ban nhân dân xã Liên Thành đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vận động thuyết phục chị S rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng chị S không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Vân đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Quốc Bảo, sinh ngày 12/01/2012.

Hiện nay chị S đang nuôi con. Con khỏe mạnh.

Nếu ly hôn chị S và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng con và có nguyện vọng được nuôi con, cháu Bảo có nguyện vọng được ở với mẹ. Để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nên cần giao chị S tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Không chấp nhận yêu cầu của anh N là được nuôi con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Anh N không chấp yêu cầu của chị S và cũng không cấp dưỡng nuôi con vì công việc, thu nhập không ổn định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, anh N có công việc là thầu xây dựng, thu nhập không ổn định, tuy nhiên mức thu nhập nhiều nhất là 20 triệu đồng. Cháu Bảo nay 10 tuổi, sinh hoạt tại vùng nông thôn nên nhu cầu mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù

hợp, không chấp nhận mức 5.000.000 đồng/ Tháng. Do vậy cần buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về chia tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị S, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Trần Văn N phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

1.Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn N.

2.Về nuôi con:

Giao con Trần Quốc Bảo, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng cho con:

Anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho chị Nguyễn Thị S mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, kể từ tháng 12 năm 2022 đến khi con thành niên.

Chị S, anh N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012119 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Văn N phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ